

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 31/2024/DS - PT

Ngày 14/3/2024

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quế.

Các Thẩm phán: Ông Bằng Công Hiệp và ông Lê Quý My

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thuý Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:

Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2023/TLPT - DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản dân sự sơ thẩm số: 16/2023/DS - ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/QĐPT-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lý Văn K, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Xóm B, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn K1, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt tại phiên tòa).

3. Người làm chứng:

3.1 Ông Trần C, sinh năm 1934;

Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt tại phiên tòa).

3.2. Bà Chu Thị P, sinh năm 1937;

Địa chỉ: Xóm B, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn ông Lý Văn K trình bày: Ông sử dụng diện tích đất 896m², tại thửa số 1, tờ bản đồ 88 loại đất LNK và thửa số 06, diện

tích 482,3m², tờ bản đồ số 88 loại đất BHK, tổng diện tích là 1.378,3m² tại xóm B, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên từ năm 1985. Nguồn gốc đất là do ông và bố ông khai phá, dựng lò gạch, chăn thả trâu bò, trồng cây trám trên đất từ năm 1985, trên đất ông chỉ trồng cây trám, ngoài ra không trồng cây gì khác. Năm 2003 thì phát sinh tranh chấp, nguyên nhân là do ông K1 trồng cây keo trên đất của ông, do bức tức nên ông đã chặt cây của ông K1 năm 2008. Cách đây vài năm, năm nào thì ông không nhớ cụ thể, ông K1 đã tự ý mang máy xúc đến mức cây trám và phá lò gạch của gia đình ông để tiến hành trồng chè trên đất. Sự việc tranh chấp hai gia đình kéo dài nên ông đã làm đơn đề nghị UBND xã T giải quyết, khi đó ông mới được thông báo diện tích đất tại 02 thửa đất nêu trên của ông đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K1 năm 2019. Ông thấy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K1 là không đúng vì thửa đất số 01 và 06, tờ bản đồ số 88 xã T, có nguồn gốc là của gia đình ông, ông đã đi kê khai từ năm 2006 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2013 khi đo đạc lại ông đã nhận 02 thửa đất nêu trên là của ông nên trên bản đồ 02 thửa đất đều mang tên ông là Lý Văn K.

Nay ông khởi kiện buộc ông Trần Văn K1 thu hoạch toàn bộ cây trên đất để trả lại diện tích đất tại thửa số 01, tờ bản đồ số 88, diện tích 844,9m², loại đất LNK và thửa số 06, tờ bản đồ số 88, diện tích 454,3m², loại đất BHK, tổng diện tích là 1.299,2m², địa chỉ thửa đất tại xóm B, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cho ông để ông quản lý, sử dụng theo quy định.

Bị đơn ông Trần Văn K1 trình bày: Diện tích đất 896m², tại thửa số 1, tờ bản đồ số 88, loại đất LNK và thửa số 06, tờ bản đồ số 88, diện tích 482,3m² loại đất BHK, tổng diện tích là 1.378,3m² tại xóm B, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có nguồn gốc là của gia đình ông khai phá từ năm 1975. Người trực tiếp khai phá là ông Trần Cư b đẻ ông, bố ông khai phá để tra mố trồng ngô, sắn và liên tục canh tác từ đó cho đến năm 1984, 1985 gia đình ông đã trồng mía lấy đường. Đến năm 1988, 1989 khi Nhà nước có dự án P, gia đình ông trồng cây bạch đàn theo dự án PAM 3352. Gia đình ông được cấp sổ gạo. Năm 2003 gia đình ông khai thác bạch đàn, chuyển sang trồng keo theo dự án 661. Gia đình ông trồng keo từ năm 2004, ông trồng cây được 4 năm, cây cao khoảng 10m, năm 2008 ông K đã tự ý phá hoại, chặt cây keo. Ông đã báo Phòng nông nghiệp huyện Đ phụ trách dự án 661, báo Trạm kiểm lâm H phối hợp với chính quyền xã về việc phá hoại cây của gia đình ông, ông K đã bị Công an huyện Đ bắt, bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ xử 12 tháng tù treo và phải bồi thường khắc phục hậu quả cho ông. Tháng 10/2018 ông khai thác keo, tháng 02/2019 ông đã đưa máy xúc vào mức hết toàn bộ gốc keo, đổ đất và mua lưới B40, đổ cột bê tông và rào toàn bộ diện tích đất. Sau đó ông trồng sắn 1 vụ, đến tháng 12/2021 ông phá sắn và tiến hành trồng chè trên toàn bộ diện tích đất. Gia đình ông vẫn canh tác trên diện tích đất hiện nay ông K đang tranh chấp từ đó cho đến nay.

Năm 2013 tỉnh Thái Nguyên đã thuê Công ty B về đo đất cho tỉnh Thái Nguyên, trong đó có cử người về đo cho xã T. Vì vậy đã xảy ra trường hợp đo bao, nhận nhầm đất. Ông Lý Văn K đã nhận sang 02 thửa đất số 01 và 06 tờ bản đồ 88 của gia đình ông. Từ năm 2008 sau khi ông K bị xử lý thì ông K không tranh chấp với ông. Đến năm 2013 khi đo bao nhận nhầm đất nên ông K lại tiếp tục tranh chấp với ông. UBND xã T đã yêu cầu ông K không được tranh chấp đất và chứng minh nguồn gốc đất, nhưng ông K không đủ cơ sở pháp lý. Đến năm 2019 gia đình ông đã được làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 730736 ngày 27/3/2019. Hiện nay toàn bộ diện tích đất tranh chấp gia đình ông đã quây xung quanh bằng lưới B40, vẫn canh tác ổn định không tranh chấp với ai. Gần đây ông K lại có đơn tranh chấp đất với ông.

Nay ông K khởi kiện yêu cầu ông phải thu hoạch cây trả ông K 02 thửa đất gồm thửa 01, tờ bản đồ số 88, diện tích qua đo đạc thực tế 844,9m², loại đất LNK và thửa số 06, tờ bản đồ số 88, diện tích qua đo đạc thực tế 454,3m², loại đất BHK, tổng diện tích là 1.299,2m², tại xóm B, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên ông không nhất trí, vì đất của ông, ông đã liên tục canh tác trên mảnh đất đó, ông khẳng định diện tích đất tại 02 thửa đất trên là của ông không phải của ông K. Do vậy ông đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K.

Người làm chứng bà Chu Thị P trình bày: Bà là mẹ đẻ anh K1, bà xác định nguồn gốc là do vợ chồng bà khai phá khoảng năm 1985. Khi đó thì toàn bộ diện tích đất bỏ hoang, không có ai canh tác trên đất. Vợ chồng bà đã cho anh K diện tích đất này từ khi khai phá năm 1985 cho đến nay, sau khi khai phá xong gia đình bà có xây dựng 01 lò gạch trên đất để tiến hành nung gạch làm nhà, khi đó không có ai tranh chấp. Lò gạch vẫn để nguyên trên đất cho đến khoảng năm 2018 anh K1 mới tiến hành mức lò gạch để trồng chè. Từ khi vợ chồng bà cho anh K, trên đất chỉ làm lò gạch và anh K phát quang để có chỗ chăn trâu, chăn bò, thường xuyên phát quang con đường đi xuống suối, đi qua phần diện tích đất hiện nay đang tranh chấp với anh K1, chứ không trồng gì trên đất. Diện tích đất gia đình bà khai phá khá rộng, bà không biết ở thửa nào, không biết diện tích bao nhiêu, chỉ anh K biết cụ thể. Nay anh K và anh K1 tranh chấp diện tích đất này bà đã ở riêng và đã cho anh K rồi nên bà không có ý kiến gì mà do anh K quyết định.

Người làm chứng ông Trần C trình bày: Ông là bố đẻ anh K1, ông xác định nguồn gốc đất do ông khai phá từ năm 1975, ông tra mố, trồng ngô, đến năm 1988 trồng keo, năm 1999 thì ông cho anh K1, anh K1 trồng cây và canh tác trên đất từ đó đến nay, có đầy đủ hồ sơ pháp lý.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xác định diện tích đất thửa số 01, tờ bản đồ số 88 diện tích qua đo đạc thực tế là 844,9m², loại đất LNK và thửa số 06, tờ bản đồ số 88 diện tích qua đo đạc thực

tế là 454,3m² loại đất BHK, tổng diện tích là 1.299,2m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 730736 ngày 27/3/2019 mang tên ông Trần Văn K1 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Lý Văn K.

Với nội dung nêu trên tại bản án 16/2023/DS - ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Căn cứ Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 157, 165, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 99, 104, 203 của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Văn K về việc yêu cầu ông Trần Văn K1 phải thu hoạch cây trả lại diện tích đất tại thửa số 01, tờ bản đồ số 88, diện tích 896,0m² (diện tích qua đo đạc thực tế là 844,9m²), loại đất LNK và thửa số 06, tờ bản đồ số 88, diện tích 482,3m² (diện tích qua đo đạc thực tế là 454,3m²), loại đất BHK, tổng diện tích là 1.378,3m² (tổng diện tích qua đo đạc thực tế là 1.299,2m²). (Có bản trích đo hiện trạng sử dụng đất do Công ty TNHH H1 đo đạc kèm theo bản án).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/10/2023 ông K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lý Văn K vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của ông K; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Trần Văn K1 có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do bận công việc gia đình. Xét thấy đây là lý do không chính đáng, ông K1 đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông K1.

[2]. Xét kháng cáo của ông K thấy rằng: Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp giữa hai gia đình ông K và ông K1 tại thửa số 01, diện tích 896m² (đo đạc thực tế là 844,9m²), thuộc tờ bản đồ số 88, loại đất LNK và thửa số 06, diện tích 482,3m² (đo đạc thực tế là 454,3m²), thuộc tờ bản đồ số 88 loại đất BHK. Ông K cho rằng của nhà ông K còn ông K1 cũng cho rằng của nhà ông K1. Qua các tài liệu có trong hồ sơ thì thể hiện: Nguồn gốc thửa số 01 và thửa số 06 là của vợ

chồng cụ Trần C (bố mẹ đẻ ông Trần Văn K1 canh tác từ năm 1975). Trong quá trình quản lý, sử dụng gia đình ông K1 đã tiến hành trồng cây và canh tác trên thửa đất này từ khi được giao. Cụ C trồng cây keo theo dự án PAM 3352 từ năm 1988, đến năm 2003 khai thác hết. Năm 2004 trồng cây theo dự án 661. Như vậy từ năm 1975 cụ C canh tác liên tục và cho đến sau này cho con trai là ông K1 vẫn sử dụng liên tục đến năm 2019 ông K1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3]. Ông K cho rằng nguồn gốc diện tích đất tranh chấp giữa hai gia đình là của ông vì gia đình ông đã có tên trên bản đồ đối với 02 thửa đất đang tranh chấp này vì vậy ông yêu cầu ông K1 phải thu hoạch cây trả lại ông 02 thửa đất gồm thửa số 01, diện tích 896m² (đo đạc thực tế là 844,9m²), loại đất LNK và thửa số 06, diện tích 482,3m² (đo đạc thực tế là 454,3m²) loại đất BHK, ngoài ra ông K không có bất cứ tài liệu nào khác.

[4]. Tại Công văn số 1578/UBND - TNMT ngày 27/7/2023 của UBND huyện Đ trả lời về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn K1 ngày 27/3/2019 là đúng quy định của pháp luật, cấp đúng vị trí, đối tượng, diện tích theo quy định tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc ông K có tên trên bản đồ địa chính năm 2013 và sổ mục kê tạm thời là do trong quá trình đo đạc năm 2013 ông K nhận nhầm hai thửa đất trên, còn thực tế là đất của ông K1 đang canh tác, sử dụng ổn định từ trước đến nay không có tranh chấp (BL124).

[5]. Ông K thừa nhận trên diện tích đất đang tranh chấp hiện nay ông không trồng cây gì mà toàn bộ do ông K1 trồng từ năm 2003. Như vậy, ông K1 đã trồng rừng từ năm 2003, việc canh tác sử dụng của ông K1 là thường xuyên, liên tục. Khi ông K1 kê khai xin cấp quyền sử dụng đất ông K đã biết, thể hiện tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2019. Trong phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, xác định nguồn gốc đất của vợ chồng cụ C, sau đó cụ C cho ông K1 canh tác sử dụng.

[6]. Tổng hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ kết hợp với những lời khai tại phiên tòa của ông K, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông K là có căn cứ. Ông K kháng cáo nhưng không đưa ra được các căn cứ cho việc kháng cáo của mình nên cần bác kháng cáo của ông K giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7]. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của ông K, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lý Văn K.

1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 16/2023/DS - ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Về án phí: Miễn án phí phúc thẩm cho ông Lý Văn K.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Đồng Hỷ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã Tân Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quế

